

CHỨC NĂNG TÂM LINH VÀ GIÁ TRỊ CỦA THEN HÁT KHOẢN CỦA NGƯỜI TÀY LẠNG SƠN

Đặng Thế Anh

*Trường CĐSP Lạng Sơn
anhdangls@gmail.com*

Ngày nhận bài: 06/8/2015; Ngày duyệt đăng: 16/12/2015

TÓM TẮT

Dựa trên những tư liệu sưu tầm trong nghiên cứu thực địa về nghi lễ Then hát khoán của người Tày Lạng Sơn, người viết có những suy nghĩ bước đầu về loại hình này như sau:

- Giới thiệu một số khái niệm công cụ và định nghĩa liên quan và các đặc điểm của Then Hát Khoản.
- Chức năng lễ nghi tâm linh của Then hát khoán - một hình thức shaman giáo của dân tộc Tày ở Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp của Lạng Sơn).
- Trong nghi lễ Then hát khoán chứa đựng nhiều tín ngưỡng truyền thống như: thành hoàng, thần tự nhiên, tổ tiên và bậc tiền tổ của tộc người... Trong đó nổi bật nhất là tín ngưỡng thờ “Mẹ Shinh, Mẹ Bióc” (Mẹ Sinh, Mẹ Hoa).
- Then hát khoán là cầu nối giữa cõi tục với cõi thiêng, hiện thực với ước mơ.

Từ khóa: *Then Hát Khoản, chức năng tâm linh.*

ABSTRACT

Spiritual functions and values of Tay Minority's Then Hat Khoan Ritual in Lang Son

Based on data collected from field trips about Then Hat Khoan Ritual of Tay Ethnic People living in Lang Son, the author would like to make an outline of this traditional event as follows :

- *This paper introduces relevant instrumental concepts, definitions, and characteristics of Then Hat Khoan.*
- *It also provides spiritual functions of Then Hat Khoan Ritual - a kind of shamanism of Tay Ethnic Group in Viet Nam (a study case in Lang Son).*
- *Then Hat Khoan contains many traditional religious beliefs of the Tutelary Saint, God of Nature, ancestors and progenitors of human beings. The most remarkable beliefs of all are “Mẹ Shinh and Mẹ Bióc” (Mothers).*
- *Then Hat Khoan is a bridge that connects the earthy world to the divine world and reality to dreams.*

Keywords: *Then Hat Khoan, spiritual functions.*

1. Đặt vấn đề

Then là một trong nhiều loại dân ca nghi lễ của người Tày có nguồn gốc bản tộc. Nó được hình thành, phát triển và bảo lưu trong lòng đời sống văn hóa dân gian của cả cộng đồng. Môi trường sinh hoạt đó như mảnh đất nuôi dưỡng sự phát triển của Then, làm cho Then luôn tươi mới, mang hơi thở của cuộc sống. Có thể nói, Then theo bước người Tày nói chung, người Tày Lạng Sơn nói riêng, từ khi lọt lòng cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, tham gia vào chuỗi nghi lễ vòng đời của họ với tư cách là lời hát khẩn nguyện. Then cung cấp hiểu biết về hiện thực xã hội, con người trong quá khứ nhưng chủ yếu cho thấy thiên hướng mô tả tâm xúc, thái độ, tình cảm của con người đối với công việc cầu cúng và đối

tượng thờ cúng trong các nghi lễ đó.

Then là kết quả từ hoạt động hành lễ và sự vận động diễn ngôn của các Then. Đây là một thực thể lời được tổ chức hoàn chỉnh về cả hình thức lẫn nội dung, chứa đựng tính thiêng - tính thực hành - tính thẩm mỹ..., là cơ sở để xem xét Then trên bình diện văn hóa - văn học dân gian. Đặc biệt, Then có rất nhiều loại: Then cầu mong (cầu thọ, tình duyên, con cái), Then chữa bệnh (giải sâu, đuổi tà ma), Then tống tiễn (đưa linh hồn người chết về với tổ tiên), Then cầu mùa, Then chúc tụng (mừng thọ, đẻ con), Then cấp sắc (phong chức cho người hành nghề Then), Then tảo mộ... Bài viết này lưu ý tới chức năng và giá trị của một loại Then cụ thể. Đó là Then Hát khoán (THK).

2. Then Hắt khoăn và chức năng lễ nghi tâm linh trong hệ thống Then Tày

Then là gì? Cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa chung nhất, chính thức về Then. Ở những góc độ nghiên cứu khác nhau, các nhà khoa học lại cho ra đời những khái niệm khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm: Then là biến âm của chữ thiên, tức là người nhà trời coi giữ trần gian, có khả năng đưa con người tới cõi Thiêng gặp các đấng thần linh; Then là một tên riêng chỉ một loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian của người Tày nói chung và rất phổ biến ở miền núi phía Bắc; Then là một danh từ nhân xưng chỉ những người chuyên làm nghề cúng bái. Còn, THK được hiểu như sau:

Theo quan niệm dân gian Tày, con người sinh ra nơi trần thế hay bị ốm đau do bệnh tật hoặc không biết do cái gì làm, con ma nào nhập hay tại số ngắn, mệnh yếu. Vì vậy, con người phải nhờ đến Then lên xin số trên mừng Trời để được mạnh khoẻ, bình an. Nói cách khác là, nếu gia đình gặp hoạn nạn như ốm đau, bệnh tật, gặp điều rủi ro, bất hạnh... thì người Tày cho rằng hoặc do vía lạc gây nên, hoặc do thần linh, ma quỷ hãm hại, hay hồn gốc bị xúc phạm rồi bỏ đi, cũng có khi người ta đang ngủ hồn rời xác đi thang lang sang thế giới cõi âm,... Khi đó muốn biết nguyên nhân gì, và xử lý thế nào thì gia chủ mời Then về làm lễ. Họ tin rằng Then vừa có khả năng thương lượng với thần linh vừa có khả năng trấn áp ma quỷ và có thể sai âm binh đi tìm lại vía về nhập vào thể xác cho những người bị lạc vía.

Ở đây, chúng ta cần xem xét kỹ quan niệm về THK khi dịch sang tiếng Việt cũng như cách hiểu về loại Then này. Từ trước đến nay, nhiều nhà nghiên cứu, nhiều người hành nghề Then, người nghe Then vẫn mặc nhiên chấp nhận cách gọi tên cũng như cách hiểu THK là “Then giải hạn”. Ngay trong văn bản Then chúng tôi sử dụng làm đối tượng nghiên cứu cũng được hiểu như vậy. Đứng trước hiện tượng này, chúng tôi cho rằng: đó là hệ quả của việc quần cư, giao thoa văn hóa Việt - Tày. Nó bắt nguồn từ sự vay mượn về mặt ngôn ngữ cho đến vay mượn quan niệm, cách hiểu của con người. Để giải thích cho người Việt nghe và hiểu rõ THK là như thế nào?

Bắt buộc phải trình bày rất dài như ở phần lý do và mục đích của việc làm THK dưới đây. Và việc ấy sẽ gây trở ngại trong sự giao tiếp giữa người Tày với người Việt. Để khắc phục, người Tày, người hành lễ, và cả các nhà nghiên cứu, đã cố gắng tìm những từ ngữ mang ý nghĩa gần giống để gọi tên. Kết quả là THK dần dần mặc nhiên được dịch và hiểu là “Then giải hạn”. Mặt khác, trong ngôn ngữ tồn tại một quy luật “sai lâu thành đúng” (được thừa nhận sau thời gian dài sử dụng) và trường hợp THK - Then giải hạn đã “sống” và “được chấp nhận” như thế. Theo chúng tôi, THK phải được hiểu như sau:

- Quan niệm về giải hạn của người Việt rộng hơn quan niệm của người Tày rất nhiều. Với người Việt, “hạn” là tất cả những bất trắc, thất thường, những điều mà họ không mong muốn. Hạn không chỉ là bệnh tật, ốm đau (như quan niệm người Tày) mà còn là mất trộm, nhà có tang, ế hàng (bán hàng chậm hoặc không bán được hàng)... Thêm vào đó “giải” nghĩa là xóa bỏ những điều, những thứ đó đi... Và như vậy, nếu chúng ta cứ cố gắng “gò” cách hiểu THK là “Then giải hạn” thì chính chúng ta đã tạo ra độ vênh giữa từ ngữ với khái niệm.

- Quan niệm về “hắt khoăn” của người Tày đơn giản chỉ liên quan đến hồn, đến vía. “khoăn” là hồn/vía tác động trực tiếp đến sức khỏe, số mệnh của con người. Bình thường “khoăn” đang yên ổn nhưng vì người ta bị cuốn theo vòng xoáy của cuộc sống cho nên ít nhiều “khoăn” bị xô xệch, lệch lạc. Và, muốn trở lại bình thường thì không còn cách nào khác “hắt khoăn” phải là chăm sóc cho hồn, chỉnh sửa cho vía. Do đó, THK tức là chăm sóc cho hồn, chỉnh sửa cho vía, phải được hiểu như thế mới đúng với quan niệm của người Tày nói chung và Tày Lạng Sơn nói riêng.

Chúng tôi cũng xin nói thêm, THK có thể được gọi tên theo nhiều cách khác nhau tùy theo đối tượng được tổ chức cúng lễ cho nhưng vẫn chỉ có duy nhất một cách hiểu về loại Then này:

- Hiểu chung nhất “hắt khoăn” là chăm sóc hồn, là chỉnh sửa vía.

- Cúng lễ cho trẻ từ 15 tuổi trở xuống có thể gọi là Hắt bjoóc (lễ vun hoa - lễ uốn, nắn, săn sóc cho cây hoa).

- Cúng lễ cho người già đã có cháu có thể gọi là lễ mừng thọ, chúc thọ.

Lý do của việc làm THK: bắt đầu từ khái niệm phi nghĩa là ma. Bởi phi là tác nhân trực tiếp dẫn tới việc tổ chức nghi lễ THK. Theo quan niệm truyền thống thì phi là tên gọi chung các vị thần mà người Tày thờ cúng. Với quan niệm cho rằng người có người tốt người xấu thì phi cũng có phi lành phi dữ, người Tày cho là phi lành và phi dữ đều khiến cho con người gặp hoạn nạn, ốm đau, làm ăn bất ổn; gia súc, gia cầm tự nhiên mà chết... Phi lành là phi tổ tiên ở thế giới bên kia vì túng thiếu nên đã đòi nợ và quấy quả con cháu ở trần gian, phi lành còn có thể là thế lực siêu nhiên bảo trợ, cai quản làng bản vốn được mọi người thường xuyên thờ cúng để mong được phù trợ, nhưng do sơ xuất nào đó trong việc thờ cúng, nên các vị phật ý trở về gây chuyện bất thường để báo hiệu cho biết mà kịp thời sửa chữa, bỏ khuyết. Còn phi dữ là các ma tà quỷ quái, các vong linh bị bắt đắc kỳ tử (chết một cách không bình thường) đang lẩn quẩn, ẩn nấp đâu đó trên rừng, trong hang, ngoài suối tìm mọi cách hãm hại con người. Trong gia đình, người ta cúng lễ theo cách thông thường là dùng lễ vật rồi thấp nhang lên các bát hương trên bàn thờ và cầu khẩn. Nhưng nếu vẫn chưa nghiêm thì phải nhờ đến sự giúp đỡ của các thầy cúng như Tào, Mo, Then, Pựt... Những người này có nhiệm vụ làm sứ giả giao tiếp với thần linh, giúp gia chủ thực hiện ước nguyện của mình. Khi đó mới có những nghi lễ lớn, một trong số đó phải kể tới THK, để cầu an, chữa bệnh, nối số, cúng Mẻ Shinh (Mẻ bjooc).

Do quá trình giao thoa văn hóa với tộc người Kinh (Việt), hiện nay nhiều người Tày cũng quan niệm “đàn bà có ba hồn chín vía, đàn ông có ba hồn bảy vía” (trong lời Then theo quan niệm này). Nhưng xưa kia, gắn với quan niệm về ba tầng thế giới (quan niệm này có phần khác với quan niệm cũng về ba tầng thế giới của người Kinh) người Tày lại tin rằng con người có rất nhiều vía: 10 vía, 12 vía, thậm chí có tới 32 vía được phân theo trục không gian, lấy thân người làm điểm trung tâm xuất phát, đó là: vía đằng trước, vía đằng sau, vía trên đầu, vía bàn chân, vía bàn tay... Và việc người ta bị ốm nặng hay nhẹ là bởi vía rời khỏi thân xác, bỏ đi đâu đó

nhiều hay ít. Như, chúng tôi sẽ trình bày tiếp sau đây quan niệm về vía, về lý do của sự ốm yếu có liên quan trực tiếp đến mục đích của việc người Tày làm THK.

Mục đích của việc làm THK là áp dụng cho tất cả các đối tượng. Bản thân con người đang đẹp, khoẻ mạnh mà tự nhiên bị các phi làm cho ốm, bị bệnh làm cho cơ thể người yếu đi, già đi, xấu đi... tức là vía yếu, hồn yếu. Hoặc, người đi chợ, đi chơi về tự nhiên thất thần, không ăn không uống, không nói không cười, chỉ lặng lẽ chăm chú nhìn tất cả mọi thứ. Đó là biểu hiện cho biết do vía đã mãi chơi đâu đó trên đường, hoặc bị ma trôi rú đi mà bị lạc đường về với thân xác. Cũng có thể lộn qua suối, hồn vía bị ma thường luồng giữ chân không về nhà được... Cho nên phải làm lễ “hắt khoăn” để gọi vía về, thu nhặt vía, vỗ về an ủi vía cho người lại mạnh khoẻ. Then gọi vía để vía người lạc ở ngoài rừng, ngoài bãi thì tìm đường về với thân xác, chỉ có thể xác của bản thân người ấy mới là nơi vía người đáng ở, đáng trú ngụ. Còn những nơi khác đều lạnh lẽo, đáng sợ; gọi vía để vía còn ở trên đỉnh núi sương sa hay chân vách đá lạnh lẽo, dưới khe sâu... thì tìm về với xác. Vía không được ham chơi, chênh mảng, nếu không vía sẽ lạc, người sẽ chết... Như thế “hắt khoăn” phải hiểu là ‘chỉnh sửa vía’ mới chính xác, chứ không phải là “giải hạn”.

Lễ vun hoa (dành cho trẻ từ 15 tuổi trở xuống). Khi gia đình hiếm hoi về đường con cái, cầu tự khắp nơi mới được, hoặc đưa trẻ sinh ra vào ngày tháng không tốt vì sợ thần Nam Tào bắt đi, không cho được làm người... thì khi sinh con ra, người ta sẽ làm Then ngay để giữ đứa trẻ ở lại vì sợ nó đi mất. Hoặc, đưa trẻ có số nhẹ, ví như cây hoa ỉu, có sâu bọ quấy rối thì phải làm THK, tức là vun gốc cho cây hoa đó, để nó có đủ sức chống chọi với sâu bọ, với những tác động bên ngoài. Cũng có thể trong thời gian nuôi dưỡng, đứa trẻ chậm lớn, ăn ít, hay khóc hay ốm đau, khi đó mời Then về sẽ, được hỏi nguyên do, Then sẽ cho biết đứa trẻ sinh ở “cửa tử” và gia chủ sẽ nhờ Then đi tìm lại hồn/vía, thu nhặt lại hồn/vía cho đứa trẻ. Như vậy, “hắt khoăn” sẽ được hiểu là “chăm sóc hồn” cho trẻ nhỏ mới là đúng, chứ đâu phải “giải hạn”!

Lễ chúc thọ tổ chức khi ông bà, cha mẹ đến

tuổi Ngũ tuần, gia đình con cháu sẽ làm lễ “bắc cầu, nổi số” cho ông bà, cha mẹ được sống lâu trăm tuổi. Với một ông tre ở giữa nhà, tất cả con cháu tập trung đông đủ bốc gạo bỏ vào ông tre cho đầy với mong muốn Ngọc Hoàng trên trời cao chứng giám: toàn thể gia đình, mỗi người mỗi tay, mỗi người mỗi sức, mỗi người mỗi việc cùng nhau giúp cho người được bắc cầu nổi số càng mạnh khoẻ, sống lâu. Vì thế, “hắt khoăn” phải được hiểu là “chăm sóc hồn” cho người không còn ốm đau, bệnh tật, được mạnh khoẻ; chỉnh sửa vía cho người không bị mất con vía nào để được sống lâu.

Tóm lại, trong Then, bà Then có thể dời hồn, dẫn âm binh đi đến một thế giới vô hình, có núi cao, có sông rộng, có rừng sâu, có biển lớn... rất xa xôi, cách trở để tìm vía, đưa vía trở về nhà. Các ma thuật ấy vẫn tồn tại trong đời sống tín ngưỡng của người Tày cho đến ngày nay. Vì vậy, Then nói chung, THK nói riêng là một hình thức Shaman giáo thể hiện qua việc nhập hồn và xuất hồn vào thân xác bà Then.

3. Giá trị văn hóa trong Then Hắt khoăn

3.1. Then Hắt khoăn là một bức tranh tổng hòa đa tín ngưỡng

Tiếp xúc với lời Then, chúng tôi có thể khẳng định rằng: THK của người Tày là một bức tranh tổng hòa đa tín ngưỡng. Trong đó nổi bật nhất là tín ngưỡng thờ “Mẻ Shinh, Mẻ Bióoc” (Mẹ Sinh, Mẹ Hoa).

- Thờ phụng linh hồn: Người Tày cho rằng từ cỏ cây đến chim muông, mọi thể chất tự nhiên (trong đó có cả họ) ở giữa trời đất đều có linh hồn. Theo quan niệm dân gian Tày, “phi” (linh hồn, ma thần) đều có ở cả ba thế giới: trên trời, mặt đất và dưới âm phủ. “Phi trên trời” là các Then, Bụt, Tiên, Thần, Tổ Tiên. Các phi này đều được con người thờ cúng rất cẩn thận. “Phi ở trên mặt đất” như phi núi, phi sông, phi đất, phi rừng, phi ruộng, phi ruộng luồng... thường trú ngụ ở các đỉnh núi, vùng nước lớn, hòn đá to, cây cổ thụ... “Phi ở dưới âm phủ” (còn gọi là “mường ma”). Sau khi chết, hồn bị đày xuống địa ngục, bị xem xét tội lỗi nặng hay nhẹ. Sau một thời gian tra xét và chịu cực hình thì linh hồn được siêu thoát lên trời. Từ đây linh hồn có thể đầu thai vào kiếp sau. Nói cho đầy đủ, thì trong quan niệm đồng bào

Tày có một loại ma sống gọi là “âm binh” mà các thầy cúng dùng để gây hại, trả thù người khác. Tuy nhiên, các thầy cúng rất ít khi sử dụng thuật này vì sợ bị mắc tội thất đức. Còn để hành nghề Then, mỗi bà Then còn thờ thêm phi Then.

- Thờ cúng tổ tiên (tín ngưỡng phổ biến nhất), thờ cúng các vị thần trong nhà và các vị thần của làng bản: Cũng như người Việt, người Tày rất coi trọng ngày mất, xuất phát từ sự gắn bó với quá khứ, với nguồn gốc của mình. Nhìn một cách khái quát thì tục thờ cúng tổ tiên có thể chia làm bốn cấp độ. Tổ tiên của Dân tộc - Nước là các vị anh hùng dân tộc; Tổ tiên của tộc người; Tổ tiên của làng là thành hoàng; Tổ tiên của dòng họ, gia đình. Chính tín ngưỡng này là nền tảng của đạo lý ứng xử truyền thống (lối sống của dân tộc): “Uống nước nhớ nguồn”. Người Tày có phi của nhà, phi của làng bản, của tộc người là vì thế. Họ cũng có phi các anh hùng dân tộc (thể hiện ở tín ngưỡng thờ các anh hùng, các Thành hoàng - là những người lập làng, lập bản, chiến đấu cho làng cho bản). Hệ thống cấp độ thờ cúng tổ tiên, các vị thần trong nhà và các vị thần của làng bản nói lên mối quan hệ khăng khít giữa gia đình với làng bản, giữa cá nhân với cộng đồng - việc cư trú theo làng bản không phủ định vai trò quan trọng của “nhà”; Nhà - gia đình là hạt nhân của làng bản, nhưng tồn tại được chỉ trong sự gắn kết với làng bản. Điều này là gốc của ý thức làng xóm, ý thức dân tộc - tộc người - thiếu nó con người cá nhân không thể tồn tại được.

- Thờ Mẫu: Lời Then còn chứa đựng một tín ngưỡng vô cùng quan trọng đó là tín ngưỡng thờ Mẻ Shinh - Mẹ Sinh, tín ngưỡng này có điểm khác biệt so với tín ngưỡng thờ mẹ của không ít tộc người khác. Đó cũng là lí do để người viết dành phần nghiên cứu sâu hơn cho tín ngưỡng này. Cũng như người Kinh, từ ước muốn về sự sinh sôi nảy nở mà trong tín ngưỡng của người Tày xuất hiện tín ngưỡng thờ mẹ mà tiêu biểu là việc thờ cúng Mẻ Shinh - vị thần bảo trợ cho tình yêu, sắc đẹp, sức khỏe, sinh trưởng và bảo vệ sự sống cho con người. Vì vậy, các gia đình người Tày rất coi trọng việc thờ Mẹ Sinh và trong 24 chương đoạn Then có tới 02 chương đoạn phản ánh trực tiếp tín ngưỡng này: “Thâng tu bà shinh” (Thông cửa mẹ sinh) và “Tò mạy hắt rườn mẻ shinh” (Hái cây về làm nhà cho mẹ sinh). Vậy,

điểm khác so với tín ngưỡng thờ mẹ của các tộc người khác là ở đâu? Người Tày quan niệm con người và vạn vật đều do Mẹ bjoóc - Mẹ Hoa sinh ra. Tục ngữ cổ đã truyền lại rằng: Mẹ bjoóc păn mà, Mẹ Ca păn hấu nghĩa là: Mẹ Hoa đẻ ra, Mẹ Hoa sinh lại. Dẫn như vậy để thấy một sự khác biệt lớn nằm ở chỗ “Mẹ” luôn luôn gắn liền với “Hoa”. Hoa từ một hình tượng vươn lên thành biểu tượng của cuộc sống, hơn nữa đây là biểu tượng kép. Hoa vừa là mẹ vừa là vẻ đẹp. Mẹ Hoa đi sát từng cuộc đời mỗi con người, quyết định số phận từ khi chưa lọt lòng cho đến lúc sinh ra - lớn lên - lấy vợ, lấy chồng - sinh con - cho đến khi chết. Ốm đau, sống chết đều tùy thuộc vào Mẹ Hoa. Người phụ nữ có thai, người Tày không nói như vậy, họ nói Mẹ bjoóc tức là người mẹ này có hoa rồi. Vợ chồng lấy nhau mà muộn đường con cái phải đi cầu tự, người Tày không nói như vậy, họ nói Cầu bjoóc tức là cầu hoa. Con nhỏ bị bệnh hay vì lí do nào đó mà chết yểu thì người Kinh thường nói mất con, người Tày không nói như vậy, họ nói Tót bjoóc tức là mất hoa hay Bjoóc lẩn tức là hoa rụng rồi.

Vì sự sống mà người Tày (nói riêng) chăm chú quan sát các loại cây từ khi nảy mầm đến khi tàn lụi. Cho nên họ dễ dàng trực giác nhận ra nét tương đồng giữa đời người với “đời” của cây cỏ. Người thì: Sinh ra - lớn lên - đẻ con - chết. Cây thì: Nảy mầm - lớn lên - ra hoa, kết quả - chết. Ứng vào lời Then chúng tôi cũng nhận thấy tư duy này, giai đoạn trước khi sinh được coi là “nụ hoa”, giai đoạn chào đời là lúc “hoa nở” nhưng hoa có thể rụng (trẻ chết yểu), giai đoạn lớn và trưởng thành là lúc “hoa kết thành thành quả” (lập gia đình sinh con đẻ cái) để rồi vòng quay lại tiếp tục trong không gian - thời gian bất tận.

Tóm lại, một quan niệm, một tín ngưỡng cổ hữu trong đời sống của người Tày cho đến nay - Mẹ Hoa là bà mẹ của muôn loài, một bà mẹ vĩnh cửu. Xuất phát từ quan niệm, tín ngưỡng này nảy sinh rất nhiều nghi lễ, các quan niệm khác... có liên quan đến hoa. Hoa từ hình tượng nâng lên trở thành một “biểu tượng kép” rất tiêu biểu. Hoa là người, là con của Mẹ Hoa và đồng thời là bông hoa, là vẻ đẹp, trong Then cũng phản ánh điều đó.

3.2. Then Hắt khoản là cầu nối giữa cõi tục với cõi thiêng, giữa hiện thực với ước mơ

Bên cạnh thế giới trần tục quen thuộc với con người, một thế giới “thiên” chi phối mọi việc của con người chốn dương gian luôn trở đi trở lại trong nhiều chương đoạn của Then.

Trong thế giới Then, con người lại bắt gặp những cảnh đời như họ đang sống, cũng vẫn những ngang trái, bất công, cũng có những kẻ giàu - người nghèo. Tâm sự u uất, nặng trĩu của những người cùng khổ đã “hội ngộ” trong Then. Lời Then làm cho hiện rõ một cuộc sống cơ cực của những con người nghèo khổ. Đây là nỗi khổ của những trang thiếu niên, thiếu nữ trẻ tuổi đời mà đã “già” thiếu thốn, đói rách: *“Xe pang khừn khái thiếu niên, khừn mường thiếu nữ/ Thiếu nữ khổ lại thiếu niên khổ quá/ Sửa ná mì bá khoa ná mì tin .../ Noọng mốt dác, noọng đẫy kin, mốt dân đẫy nhậm”*. (Dịch nghĩa: *Xe lẽ qua vùng thiếu niên, qua mường thiếu nữ/ Thiếu nữ khổ đau, thiếu niên vất vả/ Áo không có vai, quần không có gấu ... / Em đời bụng, em muốn ăn, muốn có nhà để ở*).

Này là cuộc sống lao động cực nhọc của những người đánh cá ven sông bị bắt đi phu xuôi thuyền cho quan; những người dân thường bị bắt vào rừng tìm gỗ quý, xuống sông sâu “Tức pia” bắt cá, lên núi đá “Thấu quan thấu nạn” săn hươu săn nai cũng hiện lên một cách sống động.

Những con người ấy, đã không sống yên ổn trong nghèo khổ lại phải đeo thêm nỗi lo lắng dày vò. Đó còn là nỗi dày vò về tình cảm chia ly giữa kẻ đi xa và người ở lại trông ngóng đợi chờ: *“Khái nẩy hung khẩu các thả phua/ hung khẩu nua thả sự/ Mọi vắn slam pày khót châu cầu pày vi hua/ Mọi vắn nắn pác táng chiêm phua... / Mẻ mãi dú táng mường, pò mãi dú táng xừ/ Mẻ mãi vắn mẽ mãi, au phải mà phung rừn/ Pò mãi vắn pò mãi, theo phải thàng theo nhù/ Tha phải pần khui khừn/ Dặc lỏng hin cụng phó, dặc lỏng hải cụng can”*. (Dịch nghĩa: *Bây giờ nấu cơm chờ chồng/ nấu nếp đợi chồng/ Mỗi ngày ba lần búi tóc, chín lần chải đầu/ Mỗi ngày ngồi cửa ngóng chồng.../ Goá chồng ngồi bên khung cửa sổ, goá vợ ở nơi xứ xa/ Goá chồng lấy vải mà lợp mái nhà/ Goá vợ sợi vải to bằng sợi rom/ Mất vải thành từng lỗ rộng/ Đập xuống đá cũng khó, giặt xuống nước cũng khó*).

Cõi Tục là hạnh phúc và khổ đau, hai thứ cảm xúc cao nhất mà con người có thể gọi tên khi vui, khi buồn. Hạnh phúc là điều ai cũng mong muốn nhưng không dễ gì có được, còn khổ đau là thứ không ai mong muốn đón nhận nhưng cũng chẳng dễ gì tránh được. Cõi Tục chính là cuộc sống dẫu đầy thi vị mà nhiều đắng cay, là những hoa trái ngọt ngào cùng với những chông gai, ghehnh thác, là những ước mơ cháy bỏng, những hoài bão cao xa và những thất bại, tuyệt vọng, những bao dung, vị tha và ganh ghét, đố kỵ...

“Tỉ dả kin khoái pần tò cheng/ kin lèng pần tò đái/ Nặm tha tót, nặm tha hời, pần xích hấu lèng mang” (Dịch nghĩa: *Thiên hạ tranh nhau của cải/ thành chửi vả, cãi vã nhau/ Nước mắt rơi, nước mắt đọng trên khoé mắt vì chửi nhau vì không hợp nhau*).

Cõi Tục ấy, con người nhiều khi chán chường, tuyệt vọng bởi những nỗ lực, cố gắng mà không đem lại kết quả gì, những ước mơ cháy bỏng nhưng xa vời, những bất công, nghịch cảnh phải gánh chịu ngoài ý muốn, như thân phận con ve sấu (trong chương đoạn Băt ve sấu) vốn là một thiếu nữ miền sơn cước, tài sắc, nhưng chính vì tài sắc mà đành làm một thứ lọt vào danh sách các lễ vật cống tiến. Bảo rằng đây chính là phản ảnh của hình thức bắt những người con gái đẹp làm lễ vật tiến cống của các nước nhỏ yếu ở phương Nam cho các nước lớn mạnh hơn ở phương Bắc thuộc về một giai đoạn lịch sử nhất định thì cũng là có cơ sở thực tại ở một mối quan hệ đã diễn ra trong lịch sử bang giao giữa các nước nhỏ phương Nam với nước lớn phương Bắc. Ngoài ra, theo ý kiến chủ quan của chúng tôi, nếu bảo rằng chi tiết này còn là phản ảnh việc bắt những người con gái đưa vào cung Vua làm Phi hoặc nô tì đã kéo dài trong lịch sử một thời phong kiến thì cũng chẳng sai. Tư duy thâm mỹ của dân gian vốn là loại tư duy tích hợp, chồng xếp nhiều lớp nghĩa, lớp lịch sử vào trong một hình ảnh, một chi tiết. Bởi sản phẩm của nó, qua truyền khẩu, được lớp lớp người qua mỗi miền, mỗi thời gian gửi thêm vào cũng những lời ấy, chi tiết ấy, hình ảnh ấy, cảm xúc của mình về hiện thực của thời thế mà họ đang sống.

Đứng trước thực tế đó, tâm hồn, trí tuệ con người bắt đầu hướng tới một cõi khác, cõi Thiêng - nơi gửi gắm những ước mơ, khao khát,

nơi mà bằng trí tưởng tượng, bằng niềm tin mãnh liệt, người ta được thoả mãn những gì mà ở cõi Tục không bao giờ đạt tới được. Đó chính là cõi Thiêng. Sở dĩ là Thiêng vì nó thoả mãn được những khát vọng bị bế tắc nơi cõi Tục.

Cõi thiêng, chính là cõi tâm linh của con người, với người theo đạo Phật đó là cõi “Niết Bàn” - nơi có cuộc sống cực lạc, không còn khổ đau và bất hạnh. Với người theo đạo Thiên Chúa đó lại là “Thiên đàng” - nơi cuộc sống bất diệt, nơi hoàn toàn an vui, hạnh phúc. Còn với dân gian Tày thì cõi Thiêng là ở đâu? Văn bản Then không phải là kinh, kệ tôn giáo để cầu viện đến một “miền” vô hình vô ảnh xa lạ với cõi người, đối lập với cõi người - cõi Tục.

Cõi Thiêng trong Then tựa làn khói, mùi hương. Mà hương thì vô ảnh, người đời chỉ cảm nhận chứ không thấy được hình tướng. Nhập vào cõi Thiêng là sống trong cõi phiêu bồng, cây khô cành chết lại có thể nở hoa.

“Chang cừn bót chắt nầu chạu bót slam/ Hạn nắc hạn nầu hạn quây hạn sấu/ Hạn nắc pú mé slóng pây, hạn đây slóng hừ”

Dịch nghĩa: *Khẩn cho bệnh bót, khỏi ngay (bót ba, báy phần)/ Hạn nặng hạn nhẹ, hạn xa hạn gần/ Hạn nặng đuôi đi, hạn xa tống tiến.*

Cụ thể hơn:

“Lồng lảng ná cỏ đây, pây quây ná thư tậu/ Khừn lình mì lèng, khừn keng mì mạnh/ Chắp tông bá, quá tông vai, lò cần quá nưa, slua phàng quá tẩu/ Quá khuôi nầu bá, quá tả nầu khen/ Slảng khẩu ná ná lùm, slảng khẩu lảng la ky”.

Dịch nghĩa: *Xuống thang không phải giữ, đi xa không chống gậy/ Lên dốc không mõi chân, xuống đèo không mõi gối/ Đau vai sẽ khỏi, đau gối sẽ qua/ Qua suối nhẹ chân, qua sông dễ dàng/ Bảo gì nhớ lấy, không bao giờ quên.*

Cõi Thiêng tồn tại trong ý thức, trong khát vọng của con người, như một nơi cứu rỗi linh hồn, nơi họ thực hiện những ước mơ, khát vọng (trên thực tế cũng là nơi họ hướng tới khi cuộc sống trần thế nơi cõi Tục chầm dứt). Trong THK, con người không chỉ muốn chiến thắng bệnh tật mà còn muốn trường sinh bất tử: *“Giai lão bách niên trần gian trăm tuổi/ Slíp pi dú miac pác khuốp đây dú yên/ Bảo hộ lục mẽ xiên niên vạn vạn tời tời chi lai/ Phúc lài tài khừn tu thế phúc thịnh bình an”.* (Dịch nghĩa: *Trẻ mãi không già, trần*

gian trăm tuổi/ Mười năm sống tốt, trăm năm được ở yên/ Bảo hộ ngàn năm vạn vạn đời/ Phúc dài tài lên, phúc thịnh bình an). Hay: “Slông pân co đa ké pân co thông”. (Dịch nghĩa: Sống như cây đa, già như cây thông).

Người Tày phải vật lộn đấu tranh chống lại thiên tai, địch họa để sinh tồn. Có thể nói, cõi Thiêng là nơi mở ra cuộc sống tươi đẹp, vĩnh hằng, nơi đó toàn niềm vui, hạnh phúc, sự đầy đủ, công bằng được thực hiện trọn vẹn giúp con người gạt hái toàn những điều tốt đẹp. Rất nhiều câu hát Then thể hiện điều đó:

“Xe pang khừn mùa khải tông luông/ Xe pang khừn mùa mừng tông quang/ Khải nẩy tông quang, quang lai / .../ Khải nẩy nọc bản nua phủ núi kha. Ca bản tênh không hợi nộc”.

Dịch nghĩa: *Xe lễ đến nơi đồng lớn/ Xe lễ đến mừng đồng rộng/ Nơi này đồng rộng, rộng quá/ .../ Chón này chim bay trên phủ mồi cánh/ Quạ bay trên không không có nơi đậu.*

Không hề muốn từ bỏ cuộc sống hiện hữu đã thành quen thân, người Tày ước mơ vẫn cánh đồng ấy, con suối ấy, núi đồi ấy, cánh rừng ấy... nhưng họ được sống và lao động trong sự bình yên. Họ mong muốn nụ cười luôn rạng rỡ trên khuôn mặt, được say sưa trong giấc ngủ yên bình. Sự căng thẳng, lo toan, bất trắc hoặc một cái gì đó thật mệt mỏi không tồn tại trong con người và bản làng của họ. Người Tày khát khao muôn đời được sống như vậy. Họ muốn:

- *Khẩu phủ sang lương phủ đảo*

(*Gạo đầy bồ, lương đầy kho*)

- *Pét cây tâm cai, mò vại tâm làng*

(*Gà vịt đầy sân, trâu bò đầy chuồng*)

- *Sượng mu dăm tầu làng, mu báng tầu đày*

Pác khẩu làng, cànng khâu nước

Slam buong thàng ăn chộc, hộc buon tọ ăn loóng

(*Nuôi con lợn đen, nuôi con lợn trắng*)

Càng ăn càng nhanh lớn

Ba tháng bằng cối, sáu tháng bằng bồ)

Hướng đến cõi Thiêng để giải quyết những bế tắc trong cõi Tục, xét về mặt nào đó, sẽ góp phần làm cho con người trở nên tốt đẹp hơn:

- *Slíp cần slíp miac, pác cần dú yên*

(*Mười người thông minh, trăm người sáng ý*)

- *Ná rừng pân đao khao pân bióoc*

(*Mặt sáng như sao, đẹp như hoa*)

- *Slon slư ná lu tâm, học văn ná lú lẩn*

(*Học chữ không quên, học văn hoá không lú lẩn*)

Rút cục cõi Thiêng ấy nằm ngay giữa cõi Tục - là thứ cõi Tục mà con người bằng sự phấn đấu bền bỉ, “hiện thực” có thể cải biến nó cho “khớp” với khát vọng của mình. Đó chính là chất thực tiễn chỉ có trong văn hoá dân gian của những người lao động. Chính điều này khiến cho cõi Thiêng trong Then khác hẳn về chất so với cõi Thiêng của những tôn giáo ra đời sau nó, đồng hành với nó mà vẫn khác hẳn nó.

Quan niệm rằng cuộc đời nơi cõi Tục là đau khổ, có khi thấp hèn, muốn hướng tới nơi cõi Thiêng tươi đẹp, vĩnh hằng, người Tày luôn tự nhắc mình tu dưỡng đạo đức, làm nhiều điều thiện, tránh những việc xấu, việc ác, để chuẩn bị cho mình con đường tới miền Thiêng khi rời bỏ miền Tục. Cõi thiêng còn là nơi tâm linh con người tìm đến, cầu nguyện những điều tốt lành đến với mình. Vì thế, Then khai thác triệt để yếu tố này.

Chúng ta vẫn biết cõi tâm linh luôn là vùng đất bình yên mà mỗi con người, trên dòng đời bể dâu này, hằng hướng tới. Thánh địa thiêng liêng của mỗi tâm hồn, với các tín đồ các tôn giáo là Thiên đường, cõi Niết Bàn. Với người Tày có thêm một cõi, được gọi tên là cõi Thiêng trong Then. Ở đó, họ có thể lánh xa ưu phiền trần thế và những đau khổ của người đời để đến nơi không có những ngang trái, bất công, không có bệnh tật, thiếu đói. Nơi đó chính là cõi Tục đã được thanh lọc, tẩy rửa bằng một “chất nước” đặc biệt chung cất từ những khát vọng trần thế nhất. Then đưa con người hướng tới cõi tâm linh nhưng con người vẫn không thuộc về nó bởi cho dù có chạm tới cõi Thiêng, được phiêu du trong cõi Thiêng thì dường như duyên nợ trần gian của con người vẫn dây dưa khó dứt. Hầu như con người sinh ra trong cuộc sống bình thường, tìm đến cõi Thiêng đều sau một biến cố nào đó hoặc để gửi gắm mơ ước của mình... tất cả đều bắt nguồn từ cõi Tục và vì cõi Tục.

Toàn bộ hệ thống lời Then có thể giúp ta dễ dàng thấy rằng con người đến với cõi Thiêng để gửi gắm và thoả mãn ước mơ nhưng vẫn luôn thuộc về cõi Tục và vẫn chính là ở ngay giữa lòng cõi Tục. Để rồi, sau đêm Then, người ta

thấy lòng bình yên hơn, đắm say cùng cõi Tục hơn, hăng hái và tự tin dần mình vào cõi Tục, cải tạo nó bằng bàn tay và khối óc của chính mình. Đó chính là tính trị liệu độc đáo của một loại hình văn hóa tâm linh truyền thống của người Tày.

4. Kết luận

THK Tày với những nghi thức tiêu biểu từ thừa xa xưa, đã trải qua lựa chọn, biến đổi theo thời gian và tồn tại cho đến ngày nay. Đó chính là những phiên bản của quá trình đấu tranh gian khổ và chung sống hài hoà cùng thiên nhiên để tồn tại và phát triển của dân tộc Tày nói chung mà dấu ấn văn hoá của nó với những chất nhân văn được biểu hiện rất đậm nét thông qua từng bước của nghi lễ.

Trong nghi lễ, người ta nhận thấy nổi bật nét giao thoa pha trộn về văn hoá giữa người ngụ cư với người bản địa tạo thành một sắc thái văn hoá mới với những đặc điểm cơ bản là tính cố kết cộng đồng, tục thờ các thần ma, thờ tổ tiên, tín

ngưỡng thờ mẫu, quan niệm về thần linh, Shaman giáo được thể hiện qua nghi lễ như việc dờ hồn, đối thoại với thần linh... Sự giao thoa ấy là kết quả của sự duy trì những nét văn hoá độc đáo của các tộc người miền núi phía Bắc nước ta mang đặc trưng riêng có, những nét văn hoá này được hoà trộn với các tín ngưỡng dân gian bản địa mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước. Sự giao thoa ấy diễn ra một cách hoà bình trong suốt quá trình phát triển của lịch sử tộc người Tày tại Lạng Sơn.

Việc quản lý, phát triển Then với các phong tục tập quán tốt đẹp và giới thiệu với đông đảo người dân trong cả nước cũng như tiếp thu các giá trị văn hoá của các dân tộc cùng chung sống trên địa bàn là một việc làm cần thiết.

Các giá trị về văn hóa và văn học của THK Tày chưa thể trình bày hết trong một bài viết, đặc biệt là các giá trị được nhìn từ đặc trưng thể loại văn học. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong một bài viết khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Kim Bội (1978), “Những yếu tố dân ca, ca dao trong lời Then Tày - Nùng”, *Tạp chí Dân tộc học* (2).
- [2] Hồ Liên (2002), *Đôi điều về cái Thiêng và văn hóa*, NXB Văn hóa Dân tộc.
- [3] Hoàng Quyết, Triệu Ân, Hoàng Đức Toàn (1996), *Từ điển văn hoá cổ truyền dân tộc Tày*, NXB Văn hoá Dân tộc.
- [4] Nông Quốc Thắng (1977), “Quá trình chuyên hoá của Then và yếu tố hiện thực trong Then”, *Tạp chí Văn học* (3).
- [5] Ngô Đức Thịnh chủ biên (2004), *Đạo Mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, NXB Khoa học Xã hội.
- [6] Trần Ngọc Vượng (2007), “Tục hóa - quay về để tiến tới”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học* (5), tr.13-30.
- [7] Nguyễn Như Ý chủ biên (1999), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Yên (2006), *Then Tày*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [10] Nhiều tác giả (1978), *Mấy vấn đề về Then Việt Bắc*, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.